TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH CHƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN** Bản án số: 36/2020/DS-ST Ngày: 23/9/2020 "V/v Kiện đòi nợ "	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có;

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà; Ông **Nguyễn Trọng Sơn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà; Phạm Thị Mai và ông Hoàng Văn Bình

- Thư ký phiên toà: Ông; Nguyễn Bá Anh

Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương tham gia phiên tòa: Bà; Trịnh Thị Ngọc Soa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST- DS ngày 06/5/2020, về việc kiện đòi nợ từ hợp đồng tín dụng. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXX-ST, ngày 31/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV).

Địa chỉ: 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Có ông; Nguyễn Trọng Thuận, sinh năm 1974. Phó Giám đốc Chi nhánh Phủ Diễn, thuộc Ngân hàng BIDV.

Địa chỉ: Khối 4, Thị trấn Diễn Châu, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

Là người đại diện theo ủy quyền. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn*:

2.1. Ông; Nguyễn Hữu Tr, sinh năm 1963.

2.2. Bà; Võ Thị T, sinh năm 1964 (vợ ông Trọng)

Địa chỉ: Xóm Minh Nhuận, xã TN, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

31. Bà; Trịnh Thị L, sinh năm 1943

Địa chỉ: Xóm Thạch Sơn (xóm 3 cũ), xã NS, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

3.2. Anh; Nguyễn Trung Đ, sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ dân phố 3, Phường NP, Thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

Vắng mặt tại phiên tòa

3.3. Anh; Nguyễn Văn Th, sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm Thạch Sơn (xóm 3 cũ), xã NS, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày như sau: Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), Phòng giao dịch huyện Thanh Chương, đã ký Hợp đồng tín dụng với ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T ở xóm 6 Minh Nhuận, xã TN, huyện Thanh Chương với nội dung như sau:

Hợp đồng số 02/2015/6297788/HĐTD, ngày 27/11/2015 cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, vay số tiền: 600.000.000 đồng; Thời hạn vay là 09 tháng; lãi suất là 8,7%/năm đối với 06 tháng đầu, còn thời gian sau là 10%/năm, lãi suất nợ quá hạn là 150%/năm, mục đích kinh doanh thức ăn chăn nuôi.

Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 5, tại xóm Minh Nhuận, xã TN, huyện Thanh Chương, thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr, theo Hợp đồng thế chấp số 02/2014/6297788/HĐBĐ ngày 26/5/2014. Hợp đồng này được chứng thực tại UBND xã TN, huyện Thanh Chương. tỉnh Nghệ An.

Đồng thời thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4, tại xóm 3, xã NS, huyện Thanh Chương, thuộc quyền sử dụng của mẹ con bà Trịnh Thị L, anh Nguyễn Trung Đức và anh Nguyễn Văn Th, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2014/6297788/HĐBĐ ngày 26/5/2014. Hợp đồng này được chứng thực tại UBND xã NS, huyện Thanh Chương.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, BIDV đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng trả nợ, ông bà Nguyễn Hữu Tr cứ khất lần này đến lần khác, nhưng vẫn chưa trả đủ theo cam kết hợp đồng vay.

Vì vậy BIDV khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, trả nợ số tiền gốc còn thiếu là: 350.000.000 đồng; lãi thông thường tính đến ngày 23/9/2020 là: 152.514.727 đồng; phí quá hạn tính đến ngày 23/9/2020 là: 72.235.002 đồng và đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp tài sản để ngân hàng phát mại tài sản theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn cho ngân hàng.

Bị đơn là ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T trình bày như sau:

Tháng 11/2015 vợ chồng ông bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng BIDV Thanh Chương, để vay số tiền 600.000.000 đồng, vay theo quy định của ngân hàng, khi vay có thế chấp tài sản là đất đai và tài sản trên đất của vợ chồng là thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 5 (nay theo đo đạc mới có số thửa là 389, tờ bản đồ số 52), tại xóm Minh Nhuận, xã TN, huyện Thanh Chương. Tuy hợp đồng giấy tờ vay và thế chấp tài sản là do vợ chồng ông bà đứng tên; nhưng thực tế là vợ chồng vay cho anh Nguyễn Văn Th trú tại xã NS, huyện Thanh Chương, có vốn làm ăn kinh doanh vận tải; khi vay có thế chấp tài sản của vợ chồng ông bà và mẹ anh Nguyễn Văn Th là bà Trịnh Thị L, ông bà với Nguyễn Văn Th có anh em cọc chèo, chú bác bên nhà vợ anh Nguyễn Văn Th; nay ngân hàng khởi kiện ông bà là đúng, vì các giấy tờ vay vốn và thế chấp tài sản, đều do ông bà đứng ra ký kết vay, để đưa tiền lại cho anh Nguyễn Văn Th làm ăn; cũng do anh Nguyễn Văn Th làm ăn đổ bể, nên chưa có tiền đưa cho ông bà để trả cho ngân hàng, nên ngân hàng mới khởi kiện, ông bà cũng đang yêu cầu anh Nguyễn Văn Th trao đổi với bên ngoại nhà anh Nguyễn Văn Th bán nhà để trả tiền cho ngân hàng.

Vì vậy BIDV khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông bà trả nợ và yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp, ông bà hoàn toàn nhất trí như ý kiến ngân hàng. Ông bà chỉ đề nghị ngân hàng BIDV tạo điều kiện cho vợ chồng ông bà có kế hoạch trả nợ cho ngân hàng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày như sau:

Bà Trịnh Thị L trình bày như sau: Chồng bà là ông Nguyễn Văn Đ đã chết năm 1981, bà có 02 người con trai gồm Nguyễn Trung Đ và Nguyễn Văn Th. Bà cũng không biết vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T ở xã TN, huyện Thanh Chương là ai. Bà có 01 thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4, có diện tích 864 m^2 (nay là thửa số 415, tờ bản đồ số 52 mới) tại xóm Thạch Sơn (xóm 3 cũ), xã NS, huyện Thanh Chương, đã được cấp giấy chứng nhận mang tên bà là Trịnh Thị L, vào ngày 31/12/1997. Năm 2014 con trai bà là Nguyễn Văn Th, kinh doanh vận tải xe khách, nên vay vốn ngân hàng để kinh doanh, lúc đó con trai Nguyễn Văn Th có nói bà cho đồng ý thế chấp thửa đất này để vay vốn ngân hàng, lúc đầu bà không đồng ý, nhưng sau đó Nguyễn Văn Th nó khóc lóc và ngân hàng có đến làm việc nhiều lần, nên bà mới đồng ý thế chấp thửa đất này để làm thủ tục vay vốn của Ngân hàng BIDV.

Đến nay bà mới được biết là vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr có quan hệ anh em gì đó với vợ của con trai bà, nên mới đồng ý đứng ra vay vốn của ngân hàng cho con trai bà là Nguyễn Văn Th lấy tiền kinh doanh và có thế chấp tài sản của ông bà Nguyễn Hữu Tr và của bà để cho Nguyễn Văn Th vay vốn. Nay Ngân hàng khởi kiện như thế, bà chỉ đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Cùng lắm thì dành cho bà một gian để ở là được. Vì con trai bà mất nết, vừa rồi mẹ con nói nhau, Nguyễn Văn Th đã đánh cả bà gãy xương sườn.

Anh Nguyễn Trung Đức trình bày như sau:

Anh với bà Trịnh Thị L là mẹ con, anh Nguyễn Văn Th là em trai, ngày 26/5/2014 anh không trực tiếp ký vào hợp đồng thế chấp với ngân hàng BIDV để đảm bảo hợp đồng tín dụng mà vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr vay vốn ngân hàng, nên anh không liên quan đến việc vay vốn của ngân hàng và anh không có yêu cầu gì, anh đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Anh Nguyễn Văn Th trình bày như sau:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh bận các công việc cá nhân, nên không đến Tòa án được. Năm 2014 – 2015 anh làm nghề kinh doanh vận tải, nên có nhờ vợ chồng anh Nguyễn Hữu Tr là cọc chèo với nhau, tức là anh lấy con chú, anh Nguyễn Hữu Tr lấy con bác, nên anh đã nhờ vợ chồng anh Nguyễn Hữu Tr vay của ngân hàng BIDV một số vốn để làm ăn, khi vợ chồng anh Nguyễn Hữu Tr ký kết hợp đồng vay với ngân hàng có thế chấp tài sản của vợ chồng anh Nguyễn Hữu Tr và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của mẹ anh là bà Trịnh Thị L. Do làm ăn đổ bể, nên anh chưa có tiền đưa cho vợ chồng anh Nguyễn Hữu Tr để trả cho ngân hàng; anh mong ngân hàng tạo điều kiện cho vợ chồng anh Nguyễn Hữu Tr, để cùng anh bàn bạc bán tài sản để có tiền trả nợ cho ngân hàng; còn anh không có yêu cầu gì cho bản thân.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về mặt thủ tục tố tụng. Còn về nội dung: Đề nghị Tòa án, xử: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng BIDV số tiền nợ gốc của hợp đồng số 02/2015 ngày 27/11/2015 là: 350.000.000 đồng; tiền lãi suất và phí quá hạn của hợp đồng như yêu cầu của ngân hàng; tuyên bố tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 01/2014/6297788/HĐBĐ ngày 26/5/2014 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng BIDV và bên thế chấp là bà Trịnh Thị L, anh Nguyễn Trung Đức, anh Nguyễn Văn Th; đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4 tại xã NS, huyện Thanh Chương và Hợp đồng thế chấp số 02/2014/6297788/HĐBĐ ngày 26/5/2014 giữa bên nhận thế chấp chấp là Ngân hàng BIDV và bên thế chấp là ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, đối với thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 5, tại xã TN, huyện Thanh Chương mang tên ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp thu hồi vốn theo quy định. Vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, phải chịu án phí và chi phí thẩm định tại chỗ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng, cho nên đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Trung Đ, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đều vắng mặt; anh Nguyễn Trung Đ đã có ý kiến xin vắng mặt. Đây là phiên tòa được mở lần thứ hai, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên tòa, cho nên Tòa án vẫn xét xử bình thường theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Giữa Ngân hàng BIDV và vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, có ký hợp đồng tín dụng số 02/2015/6297788/HĐTD, ngày 27/11/2015 cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, vay số tiền: 600.000.000 đồng, thời hạn vay là 09 tháng, lãi suất theo thỏa thuận. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 5, tại xã TN, huyện Thanh Chương, thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, theo Hợp đồng thế chấp số 02/2014/6297788/HĐBĐ ngày 26/5/2014, được chứng thực tại UBND xã TN và thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4, tại xã NS, huyện Thanh Chương, thuộc quyền sử dụng của bà Trịnh Thị L, được chứng thực tại UBND xã NS, huyện Thanh Chương. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho BIDV, BIDV đã nhiều lần mời vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr đến làm việc thanh toán nợ, nhưng vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng vay. Vì vậy BIDV khởi kiện đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, trả nợ số tiền gốc của hợp đồng là: 350.000.000 đồng (*Ba trăm, năm mươi triệu đồng*); tiền lãi thông thường của hợp đồng tính đến ngày xét xử (23/9/2020) là: 152.514.727 đồng; phí quá hạn của hợp đồng tính đến ngày xét xử là: 72.235.002 đồng và đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp, để ngân hàng BIDV phát mại tài sản theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn cho ngân hàng.

[3] Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và xác minh cho thấy:

Tòa án đã tiến hành thẩm định xem xét tại chỗ có sự chứng kiến của các bên đương sự và chính quyền địa phương, đồng thời tiến hành xác minh cho thấy:

3.1. Thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 5, tại xóm Minh Nhuận, xã TN, huyện Thanh Chương, đã được UBND huyện Thanh Chương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/1997 mang tên chủ sử dụng là Nguyễn Hữu Tr; thửa đất này nay theo đo đạc mới có số thửa 389, tờ bản đồ số 32, có diện tích 2.659 m^2. Thửa đất này về phía Tây giáp với đường bê tông lối xóm; phía Bắc giáp với thửa số 343, phía Đông

giáp với các thửa số 360, thửa số 436, thửa số 1751, thửa số 491; phía Nam giáp thửa số 437.

Trên thửa đất số 1016 (cũ) có 01 ngôi nhà ống cấp 4, 01 ngôi nhà ngói 02 gian làm bếp, 01 nhà tắm, 01 Ràn trâu bò 03 gian và 01 mái tôn che nắng sát liền ngôi nhà ống cấp 4.

3.2. Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4, tại xóm 3, xã NS, huyện Thanh Chương, đã được UBND huyện Thanh Chương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/1997 mang tên chủ sử dụng là bà Trịnh Thị L; thửa đất này nay theo đo đạc mới có số thửa 415, tờ bản đồ số 15, có diện tích 1.485 m^2, nay là xóm Thạch Sơn, xã NS, huyện Thanh Chương. Thửa đất này về phía Nam giáp với đường bê tông lối xóm; phía Tây giáp với các thửa số 386, 414; phía Bắc giáp với thửa số 293; phía Đông giáp với mương nước và đất ông Nguyễn Đăng Cải.

Trên thửa đất số 14 (cũ) có 01 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói 04 gian, 01 nhà ngang 02 gian, 01 chuồng chăn nuôi 03 gian.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng số tiền gốc của hợp đồng tín dụng ngày 27/11/2015 giữa bên cho vay Ngân hàng BIDV (Phòng giao dịch huyện Thanh Chương) và bên vay là ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, số tiền gốc còn thiếu là: 350.000.000 đồng (*Ba trăm, năm mươi triệu đồng*); tiền lãi thông thường của hợp đồng tính đến ngày xét xử là: 152.514.727 đồng; phí quá hạn của hợp đồng tính đến ngày xét xử là: 72.235.002 đồng; Đồng thời ngân hàng BIDV đề nghị tiếp duy trì Hợp đồng thế chấp số 01/2014/6297788/HĐBĐ ngày 26/5/2014 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng BIDV và bên thế chấp là bà Trịnh Thị L, anh Nguyễn Trung Đức và anh Nguyễn Văn Th và Hợp đồng thế chấp số 02/2014/6297788/HĐBĐ ngày 26/5/2014 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng BIDV và bên thế chấp là vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, để Ngân hàng BIDV phát mại tài sản theo quy định của pháp luật để thu hồi vốn cho ngân hàng là có căn cứ chấp nhận. Vì vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr là người đã trực tiếp ký hợp đồng tín dụng để vay vốn của ngân hàng và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 5, tại xóm Minh Nhuận, xã TN, huyện Thanh Chương; đồng thời đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết trong hợp đồng vay.

[5] Xét ý kiến bị đơn:

Bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr hoàn toàn thừa nhận việc trực tiếp ký vay vốn vào hợp đồng tín dụng ngày 27/11/2015 với Ngân hàng BIDV; đồng thời khi vay vốn có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 5, tại xóm Minh Nhuận, xã TN, huyện Thanh Chương, đã được UBND huyện Thanh Chương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/1997 mang tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Hữu Tr; thửa đất này nay theo đo đạc mới có số thửa

389, tờ bản đồ số 32, có diện tích 2.659 m^2; bản thân vợ chồng ông bà trong quá trình giải quyết cũng đề nghị ngân hàng cho vợ chồng ông bà có thời gian để sắp xếp việc trả nợ cho ngân hàng. Như vậy ý kiến của ông Nguyễn Hữu Tr, hoàn toàn phù hợp với các ý kiến của ngân hàng BIDV.

Việc bên bị đơn có ý kiến là khi ký hợp đồng tín dụng là để cho anh Nguyễn Văn Th lấy vốn mua xe ô tô để kinh doanh và làm ăn thua lỗ không có tiền để trả, là hai quan hệ hoàn toàn khác nhau.

Việc vợ chồng bị đơn vay vốn của ngân hàng thì phải có trách nhiệm trả nợ tiền gốc và tiền lãi như hợp đồng đã ký kết cho ngân hàng. Còn việc vợ chồng cho anh Nguyễn Văn Th vay lại để mua ô tô kinh doanh là việc giữa vợ chồng với anh Nguyễn Văn Th, các bên cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì về quan hệ vay giữa vợ chồng với anh Nguyễn Văn Th, nên Tòa án không xem xét đến quan hệ này.

[6] Xét ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

6.1. Xét ý kiến của bà Trịnh Thị L: Bà Trịnh Thị L cũng thừa nhận là đã ký hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4 tại xã NS, huyện Thanh Chương, để cho bên vay vốn ngân hàng được thế chấp. Cho nên cần phải duy trì hợp đồng thế chấp này để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án; còn việc khi phát mại tài sản, ngân hàng có giành cho bà 01 gian để sử dụng là quyền của ngân hàng trong quá trình thi hành án.

6.2. Xét ý kiến yêu cầu của anh Nguyễn Văn Th: Việc vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr vay vốn của ngân hàng để đưa cho anh làm vốn kinh doanh vận tải là hai quan hệ khác nhau; vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr là người trực tiếp ký hợp đồng vay vốn của ngân hàng, thì phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng; còn vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr đưa cho anh là việc của hai bên; hai bên không có yêu cầu gì về việc này, nên Tòa án không xem xét.

6.3. Xét ý kiến của anh Nguyễn Trung Đ: Đương sự không có yêu cầu gì, nên Tòa án không xem xét.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên: Các ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

[8] Vì vậy cần buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr, có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng BIDV số tiền gốc còn thiếu của hợp đồng số 02/2015 ngày 27/11/2015 là: 350.000.000 đồng (*Ba trăm, năm mươi triệu đồng*); tiền lãi thông thường của hợp đồng tính đến ngày xét xử là: 152.514.727 đồng; phí quá hạn của hợp đồng tính đến ngày xét xử là: 72.235.002 đồng; Tuyên bố tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 01/2014/62977886/HĐBĐ ngày 26/5/2014 và Hợp đồng thế chấp số 02/2014/62977886/HĐBĐ ngày 26/5/2014. Là hoàn toàn phù hợp với các Điều 116; 164; 166; 288; 299; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[8] Về án phí; chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

8.1. Về án phí:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, cho nên trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

8.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ

Đối với chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí là: 3.500.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm ngàn đồng*).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, cho nên bị đơn phải có trách nhiệm hoàn trả lại toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ cho nguyên đơn đã bỏ ra.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Điều 147; 157 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116; 164; 166; 288; 299; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự. Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng BIDV.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam(BIDV), số tiền nợ gốc của hợp đồng số 02/2015 ngày 27/11/2015 là: 350.000.000 đồng (*Ba trăm, năm mươi triệu đồng*); tiền lãi thông thường của hợp đồng này tính đến ngày xét xử là: 152.514.727 đồng (*Một trăm, năm mươi hai triệu, năm trăm, mười bốn ngàn, bảy trăm hai bảy đồng*); phí quá hạn của hợp đồng tính đến ngày xét xử là: 72.235.002 đồng (*Bảy mươi hai triệu, hai trăm ba lăm ngàn, hai đồng*), cụ thể: Ông Nguyễn Hữu Tr có trách nhiệm trả tiền nợ gốc: 175.000.000 đồng; tiền lãi thông thường tính đến ngày xét xử là: 76.257.364 đồng; phí quá hạn tính đến ngày xét xử là: 36.117.501 đồng.

Bà Võ Thị T có trách nhiệm trả tiền nợ gốc: 175.000.000 đồng; tiền lãi thông thường tính đến ngày xét xử là: 76.257.363 đồng; phí quá hạn tính đến ngày xét xử là: 36.117.501 đồng.

3. Trường hợp ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ khoản tiền nợ nói trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đối với thửa đất số 1016, tờ bản đồ số 5 (nay theo đo đạc mới có số thửa 389, tờ bản đồ số 32) và tài sản trên đất, theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 02/2014/6297788/HĐBĐ ngày 26/5/2014, có chứng thực tại UBND xã TN, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, ngày 27/5/2014 theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ khoản tiền nợ nói trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp đối với thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4 (nay theo đo đạc mới có số thửa 415, tờ bản đồ số 15) và tài sản trên đất, tại xóm Thạch Sơn (xóm 3 cũ), xã NS, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, mang tên bà Trịnh Thị L, có chứng thực tại UBND xã NS, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và đã được đăng ký tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, ngày 27/5/2014 theo quy định của pháp luật.

5. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp dùng để thanh toán theo thứ tự mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng thế chấp. Nếu còn thừa thì được trả lại cho bên thế chấp tài sản; trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ, thì ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T còn phải tiếp tục trả tiếp số tiền còn thiếu cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp khi xử lý tài sản thế chấp, bên thế chấp đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm hoặc thay đổi tài sản thế chấp bằng biện pháp bảo đảm khác và hai bên đã làm thủ tục giải trừ thế chấp, thì bên thế chấp được nhận lại toàn bộ giấy tờ chứng nhận quyền sử dụng tài sản thế chấp và các giấy tờ liên quan.

6. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

6.1. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng BIDV, số tiền: 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004358 ngày 06/5/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

6.2. Ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, phải liên đới chịu: 26.989.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu, chín trăm, tám mươi chín ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể: Ông Nguyễn Hữu Tr phải chịu: 13.494.500 đồng. Bà Võ Thị T, phải chịu: 13.494.500 đồng

6.3. Ông Nguyễn Hữu Tr và bà Võ Thị T, phải có trách nhiệm liên đới hoàn trả lại cho Ngân hàng BIDV số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là: 3.500.000 đồng (*Ba triệu, năm trăm ngàn đồng*). Cụ thể: Ông Nguyễn Hữu Tr, phải trả: 1.750.000 đồng; bà Võ Thị T, phải trả: 1.750.000 đồng.

7. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ,

hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai.

Nơi nhận :
- *TAND tỉnh Nghệ An*
- *VKS huyện Thanh Chương*
- *Chi cục THA dân sự*
- *Các đương sự*
- *Lưu HS, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trọng Sơn